

Bản án số: **108/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 21/4/2023

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Cúc**

Ông **Nguyễn Văn Khanh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Hà** – Thẩm tra viên

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông **Vũ Trường G** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 399/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 23 tháng 03 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-HPT ngày 04 tháng 04 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị Hương G**, sinh năm: 1992; HKTT và ở tại: Số N, Q B, Long Biên, Hà Nội (có mặt)

*** Bị đơn:** Anh **Triệu Thanh H**, sinh năm: 1991; HKTT và ở tại: G, Long Biên, Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện; các bản tự khai ngày 15/12/2022; Biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 10/03/2023 và ngày 22/3/2023; Biên bản không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22/3/2023 và ngày 22/3/2023 nguyên đơn chị **Lê Thị Hương G** trình bày:**

- Về tình cảm: Chị và anh **Triệu Thanh H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu và có sự đồng ý của hai bên gia đình. Đăng ký kết hôn ngày 12/04/2014 tại UBND phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, chị sống cùng gia đình chồng tại số 44/4/5 phố Ô Cách, tổ 5, phường Đức G, quận Long Biên, Hà Nội. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách hai người bắt đầu có nhiều điểm khác biệt, tuy nhiên mâu thuẫn thực sự trầm trọng vào cuối năm 2019 do anh H không tu chí làm ăn, đam mê cờ bạc dẫn đến nợ nần, rất nhiều người đến nhà đòi nợ khiến bố mẹ đẻ chị và bố mẹ anh H phải đứng ra trả nợ thay với số tiền rất lớn. Chị và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên nhủ anh H từ bỏ cờ bạc, chăm chỉ làm ăn nhưng anh H không từ bỏ mà ngày càng lún sâu hơn, nợ nần nhiều hơn. Các chủ nợ cứ đến nhà đòi tiền khiến cả gia đình luôn căng thẳng, lo

sợ. Do không thấy sự chuyển biến tích cực từ anh H và cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên tháng 02 năm 2020 chị đã xin phép bố mẹ chồng cho chị cùng con gái về nhà bố mẹ để chị sinh sống, vợ chồng chị sống ly thân từ thời điểm đó cho đến nay. Từ khi chị và con gái về nhà ngoại ở, một vài tháng đầu anh H có đến thăm con, sau đó thưa dần và không đến nữa mà chỉ cuối tuần chị thu xếp thời gian cho cháu về chơi với ông bà nội và bố. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Minh A do một mình chị chịu trách nhiệm, anh H không có đóng góp gì kể từ khi cháu sinh ra đến nay. Mâu thuẫn giữa chị và anh H là trầm trọng không thể hòa giải, chị đã nói chuyện với anh H nhiều lần về việc ly hôn và anh H đều đồng ý. Trước và sau khi nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân quận Long Biên để xin ly hôn chị đã nói chuyện với anh H về mâu thuẫn vợ chồng và muốn anh giải quyết ly hôn thuận tình, anh H bảo chị cứ nộp đơn đến Tòa án khi nào Tòa gọi anh sẽ đến giải quyết, song anh H biết chị đang giải quyết ly hôn vẫn không đến Tòa nhằm gây khó khăn cho chị trong việc ly hôn. Nay tình cảm của chị đối với anh H đã hết, không thể hòa giải mâu thuẫn để đoàn tụ chị đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho chị được ly hôn để chị ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Triệu Minh A, sinh ngày 29/4/2016. Ly hôn, chị G muốn được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung, không yêu cầu anh H phải đóng góp nuôi con.

- Về tài sản: Chị G khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung (động sản; bất động sản) và công nợ chung: Chị G khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp KH kiện gì.

Ngoài những yêu cầu trên chị G không đề nghị Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

** Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ:*

- Ngày 06/03/2023 Tòa án nhân dân quận Long Biên lập biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của chị Lê Thị Hương G và anh Triệu Thanh H tại tổ dân phố số 5 phường Đức G, Long Biên, Hà Nội thì được bà Nguyễn Thị Bông tổ trưởng tổ dân phố xác nhận chị G và anh H sau khi kết anh chị về ở cùng bố mẹ chồng tại số nhà 44/4/5 phố Ô Cách, tổ 5, phường Đức G, quận Long Biên, Hà Nội. Quá trình chung sống tại địa phương anh chị có xảy ra mâu thuẫn, cụ thể về vấn đề gì thì tổ dân phố không nắm được vì anh chị không nhờ tổ dân phố hòa giải. Đã từ rất lâu chị G không còn ở địa chỉ trên cùng với anh H, chị chuyển đi đâu tổ dân phố không nắm được. Anh chị có một con chung là cháu Triệu Minh A. Hiện chị G và cháu Minh A đã chuyển đi ở nơi khác không còn ở nhà anh H còn anh H vẫn ăn ở sinh hoạt thường xuyên tại địa chỉ trên. Việc anh chị ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại biên bản ghi ý kiến ngày 10/02/2023 bà Nguyễn Thị Lan mẹ đẻ anh H cho Tòa án biết: Sau khi kết hôn chị G, anh H sống cùng nhà với vợ chồng ông bà. Quá trình sinh sống, thỉnh thoảng giữa anh chị có xảy ra tranh cãi, chiến tranh lạnh với nhau, không ai nói chuyện với ai, nhưng bà không biết nguyên nhân cụ thể. Khoảng năm 2019 có nhiều người đến nhà bà đòi nợ anh H vì H vay tiền không trả, gia đình bà đã đứng ra trả nợ thay cho anh H nhưng cũng từ đó anh H, chị G ngày càng xa cách, không trò chuyện quan tâm đến nhau nữa. Chị G trách bà bán đất trả nợ cho anh H là dung túng cho anh nhưng bà chỉ muốn anh chị hòa

thuận. Tháng 2 năm 2020 chị G có xin bà cho chị về nhà mẹ đẻ ở do anh H ham mê cờ bạc không bỏ được. Tháng 7/2022 anh H xin được việc làm và tu chí làm ăn nhưng chỉ cuối tuần chị G mới cùng cháu Minh A về thăm bố và vợ chồng bà nhưng giữa anh chị không trò chuyện, chia sẻ mọi việc, chị G chặn số điện thoại của anh H nên anh không liên lạc được với chị G. Bà không muốn anh chị ly hôn nhưng đã hòa giải cho anh chị nhiều lần mà không được. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Triệu Minh A, sinh ngày 29/4/2016 hiện đang ở với chị G ở nhà ông bà ngoại; Về tài sản chung và công nợ: theo bà không có.

- Tại biên bản ghi ý kiến ngày 10/2/2023 bà Lê Thị Thủy mẹ đẻ của chị G cho Tòa án biết: Tháng 4 năm 2015, gia đình hai bên tổ chức hôn lễ cho chị G và anh H theo phong tục truyền thống, có sự chứng kiến của họ hàng, bạn bè hai bên. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống cùng chồng và gia đình chồng tại số 44/4/5 Ô Cách, tổ 5 phường Đức G, Long Biên, Hà Nội. Anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 11 năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H ham mê cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều người với số tiền rất lớn, các chủ nợ không chỉ đến nhà H mà còn đến cả nhà bà để đòi nợ khiến gia đình bà luôn trong trạng thái căng thẳng, hoảng sợ. Gia đình hai bên đã phải bỏ tiền ra để trả nợ thay cho anh H để được yên ổn. Do sức ép từ chủ nợ cũng như bản thân anh H không có thiện chí sửa sai, không muốn thay đổi nên mâu thuẫn giữa chị G và anh H ngày càng căng thẳng. hai bên gia đình đã nhiều lần phân tích hòa giải để anh H chấm dứt đam mê cờ bạc, tập trung làm ăn kinh tế, chăm lo cho kinh tế gia đình nhưng anh H không tiếp thu và thay đổi. Khoảng tháng 2 năm 2020 chị G cùng con gái về ở cùng bà tại số 14/158/4 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội. Với tư cách là mẹ đẻ của chị G, bà rất buồn khi anh chị ly hôn, chị G phải vất vả, một mình gánh vác việc nuôi dạy con cái mà không có sự hỗ trợ chia sẻ từ chồng, anh chị sống ly thân đã lâu mà hai bên đều không có thiện chí muốn hàn gắn, nên bà tôn trọng quyết định của chị G. Đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết nguyện vọng của chị G. Về con chung: anh chị có 01 con chung là cháu Triệu Minh A, sinh ngày 29/4/2016. Hiện cháu Minh A đang ở cùng chị G tại nhà bà, ông bà có nhà cửa rộng rãi nên sẽ tạo điều kiện cho chị về chỗ ở và giúp chị chăm sóc, đưa đón cháu Minh A đi học khi chị G phải đi làm; Về tài sản và công nợ chung: Theo bà biết thì anh chị không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Lê Thị Hương G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Thanh H và giữ nguyên những yêu cầu đã trình bày.

- Bị đơn anh Triệu Thanh H vắng mặt tại phiên tòa.

** Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

- Về Tổ tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu; các đương sự chấp hành yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ.

- Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết việc ly hôn, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 21, 28, 35, 39, 147, 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Hương G đối với anh Triệu Thanh H; về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Triệu Minh A, sinh ngày 29/04/2016, giao con chung là cháu Triệu Minh A (nữ) cho chị G trực tiếp chăm, sóc nuôi dưỡng. Do chị G không yêu cầu anh H đóng góp tiền nuôi con chung nên không xem xét xét; về tài sản, nhà đất ở, công nợ chung: Chị G khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về án phí ly hôn sơ thẩm: chị G phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị Hương G có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với anh Triệu Thanh H. Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Triệu Thanh H có hộ khẩu thường trú và hiện ở tại: số nhà 44/4/5 Ô Cách, tổ 5 phường Đức G, quận Long Biên, Hà Nội, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Về trình tự tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị Hương G có mặt, bị đơn là anh Triệu Thanh H vắng mặt. Đối với anh H, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án từ Thông báo thụ lý vụ án; Giấy báo đến Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (2 lần); quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa, song anh H vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Về tình cảm: Chị G và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/4/2016 (Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2016 quyền số 01) tại UBND phường Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống chị G và anh H chỉ chung sống hạnh phúc, hòa thuận được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H ham chơi dẫn tới nợ nần, kinh tế vợ chồng không ổn định. Tháng 2 năm 2020 anh chị đã sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay, cả hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, ai muốn làm gì thì làm. Chị G xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được, không có khả năng đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, nên chị kiên quyết xin ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại phải trên cơ sở tình cảm tự nguyện của cả hai bên, không vì bất cứ mục đích nào khác. Thực tế hôn nhân của anh chị đã không tồn tại từ tháng 2 năm 2020 khi anh chị sống ly thân cho đến nay, anh chị sống mỗi người một nhà nhưng anh H không tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh chị không còn quan tâm đến nhau nữa. Cả hai anh chị không còn liên hệ với nhau về mặt tình cảm, không có trao đổi về việc nuôi dạy con cái, anh H cũng không đưa ra được biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng, do vậy chị G cương quyết xin ly hôn để ổn định cuộc sống. Do cuộc sống chung vợ chồng giữa chị G và anh H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Lê Thị Hương G yêu cầu được ly hôn với anh Triệu Thanh H là có căn cứ, phù hợp thực tế và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần được chấp nhận.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Triệu Minh A (nữ), sinh ngày 29/04/2016. Ly hôn, chị G đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Triệu Minh A, không yêu cầu anh H phải đóng góp nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Do chị G không yêu cầu anh H đóng góp tiền nuôi con chung nên không xem xét xét.

Hội đồng xét xử nhận thấy từ tháng 2 năm 2020 chị G, anh H đã sống ly thân, chị G và cháu Minh A dọn về nhà bố mẹ đẻ tại số 14/158/4 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội ở còn anh H vẫn ở tại nhà tại 44/4/5 Ô Cách, tổ 5 phường Đức G, quận Long Biên, Hà Nội, cháu Minh A con của anh chị sống chung cùng mẹ và ông bà ngoại và vẫn phát triển ổn định về tinh thần và thể chất. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống và đảm bảo cho con chung của anh chị có đời sống tinh thần, điều kiện vật chất cũng như đảm bảo quyền lợi và sự phát triển toàn diện một cách tốt nhất nên chấp nhận yêu cầu của chị G, tiếp tục giao cháu Triệu Minh A, sinh ngày 29/04/2016 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh H phải đóng góp nuôi con là hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đồng thời cũng phù hợp với thực trạng của cháu.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị G không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh Triệu Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; tuy nhiên nếu anh H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị G có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh H theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về tài sản, nhà ở, đất ở chung: Chị G, khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau ly hôn chị G tự lo nơi ở khác cho mình.

- Về công nợ chung: Chị G khai không nợ ai, không ai nợ anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Án phí: Chị G phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014
- Điều 28, 35, 39, 147, 192, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị Hương G** được ly hôn anh **Triệu Thanh H**.

2. Về con chung: Xác nhận chị G và anh H có 01 con chung là cháu Triệu Minh A (nữ), sinh ngày 29/04/2016; giao con chung cháu Triệu Minh A cho chị Lê Thị Hương G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 4 năm 2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của chị G không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Triệu Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị G có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh H nếu anh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: (gồm động sản và bất động sản): Chị G khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về công nợ chung: Chị G khai anh chị không nợ ai và không ai vay nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Hương G phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0065583 ngày 14/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

+ Chị Lê Thị Hương G được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

+ Anh Triệu Thanh H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên
- UBND phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hồng Hạnh